TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2021/DS-PT
Ngày 25 tháng 3 năm 2021.
"V/v tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Các thẩm phán: Ông Chung Văn Kết.

Ông Lê Hoàng Tấn.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Quang Hiển - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên cao cấp.

Trong các ngày 22, 25 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 453/2020/TLPT-DS ngày 28 tháng 8 năm 2020 về "Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2020/DS-ST ngày 20/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 351/2021/QĐ-PT ngày 05 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông Lý Văn Đ, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số 138, đường N, khóm X, Phường Y, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Lý Bửu N, sinh năm 1946. Địa chỉ: Số 137Đ, đường N, khóm X, Phường Y, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, có mặt

2.2. Ông Lý Văn P, sinh năm 1950. Địa chỉ: Số 137D, đường N, khóm X, Phường Y, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, có mặt.

2.3. Ông Lý Văn H, sinh năm 1966. Địa chỉ: Số 138G, đường N, khóm X, Phường Y, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lâm Thị U, sinh năm 1925. Địa chỉ: Số 138, đường N, khóm X, Phường Y, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (có khó khăn trong nhận thức làm chủ hành vi theo Quyết định số 02/2020/QĐST-VDS ngày 08/5/2020 của Tòa án nhân dân thị xã V).

Người giám hộ của bà Lâm Thị U có: Ông Lý Văn Đ (Theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 02/2020/QĐST-VDS ngày 08/5/2020 của Tòa án nhân dân thị xã V), có mặt.

3.2. Bà Lý Tuyết T, sinh năm 1952. Địa chỉ: Số 137G, đường N, khóm X, Phường Y, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của bà Lý Tuyết T: Ông Huỳnh Tững, sinh năm 1964. Địa chỉ: Số 137G, đường N, khóm X, Phường Y, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (Theo văn bản ủy quyền ngày 06/01/2020), có mặt.

3.3. Ông Lý Văn H1 (Van Hao Ly), sinh năm 1959. Địa chỉ: 632 Wildgrass RD Mississauga, ON, L5B 4J1, Canada.

Người đại diện hợp pháp của ông Lý Văn H1 (Van Hao Ly) có: Ông Lý Văn Đ, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số 138, đường N, khóm X, Phường Y, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (Theo văn bản ủy quyền ngày 08/8/2019).

3.4. Bà Lý Tú N (Ngoc Tu Ly), sinh năm 1969. Địa chỉ: 307 W Ward Ave APT A High Point NC 27260 - 8031, Hoa Kỳ.

Người đại diện hợp pháp của bà Lý Tú N (Ngoc Tu Ly) có: Ông Lý Văn Đ, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số 138, đường N, khóm X, Phường Y, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (Theo các văn bản ủy quyền ngày 14/02/2019), có mặt.

3.5. Ông Lý Văn S, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số 137H, đường N, khóm X, Phường Y, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, có mặt.

3.6. Bà Lý Cẩm V, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số 138, đường N, khóm X, Phường Y, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, có mặt.

3.7. Bà Châu Mỹ N, sinh năm 1957. Địa chỉ: Số 137D, đường N, khóm X, Phường Y, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, có mặt.

3.8. Bà Lý Tuyết L, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số 137D, đường N, khóm X, Phường Y, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, vắng mặt.

3.9. Ông Lý văn U, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số 137D, đường N, khóm X, Phường Y, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, có mặt.

3.10. Ông Lý Kết T, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số 137D, đường N, khóm X, Phường Y, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, vắng mặt.

3.11. Ông Lý Thành L, sinh năm 2000. Địa chỉ: Số 137D, đường N, khóm X, Phường Y, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, vắng mặt.

3.12. Bà Lý Thu N, sinh năm 1991. Địa chỉ: Số 138G, đường N, khóm X, Phường Y, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, có mặt.

3.13. Ông Lý Phước T (Lý Văn P), sinh năm 1994. Địa chỉ: Số 138G, đường N, khóm X, Phường Y, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, vắng mặt.

3.14. Ông Lý Phước L (Lý Văn Lộc), sinh năm 1996. Địa chỉ: Số 138G, đường N, khóm X, Phường Y, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bà Lý Bửu N và ông Lý Văn P là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn Lý Văn Đ trình bày:* Cha mẹ ông là cụ Lý N (chết ngày 07/01/2013) và cụ bà Lâm Thị U có 09 người con gồm các ông bà Lý Bửu N, Lý Văn P, Lý Tuyết T, Lý Văn H1, Lý Văn H, Lý Tú N, Lý Văn S, Lý Cẩm V và Lý Văn Đ.

Vợ chồng cụ N, cụ U có tạo lập được tài sản là diện tích đất 19.942,2m^2 loại đất trồng cây hàng năm thuộc thửa số 174, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại khóm 6, Phường Y, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, đã được Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) huyện V (nay là thị xã V) tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 828764 ngày 05/9/2006 cho cụ N và cụ U đứng tên.

Toàn bộ diện tích đất hiện do các con của cụ N quản lý canh tác gồm ông Đ sử dụng 9.000m^2 đất; ông P khoảng 3.000m^2 đất, ông H sử dụng khoảng 3.000m^2 đất, phần đất trống khoảng 4.000m^2 đất. Ngoài ra trên đất có 01 nền nhà do bà Vân xây dựng.

Ngày 07/10/2013 cụ N chết không để lại di chúc. Ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của cụ N để lại là diện tích đất 9.971,1m^2 (theo đo đạc thực tế là 9.865,7m^2 loại đất trồng cây hàng năm thuộc thửa số 174, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại khóm 6, Phường Y, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng thành 10 kỷ phần thừa kế bằng nhau cho 10 người thừa kế của cha ông gồm các ông bà Lâm Thị U, Lý Bửu N, Lý Văn P, Lý Tuyết T, Lý Văn H1, Lý Văn H, Lý Tú N, Lý Văn S, Lý Cẩm V và Lý Văn Đ được hưởng thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng đất, mỗi người hưởng 01 kỷ phần như nhau. Không đồng ý yêu cầu của bà Bửu Ngọc, ông P và ông H về việc xin được cùng hưởng thêm 01 kỷ phần do có công sức đóng góp trong việc quản lý, gìn giữ di sản thừa kế.

- *Bị đơn bà Lý Bửu N, ông Lý Văn P và ông Lý Văn H trình bày:* Diện tích đất 19.942,2m^2 thuộc thửa số 174, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại khóm 6, Phường Y, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng có nguồn gốc của cụ Quến cho cụ N và cụ U vào khoảng năm 1976, sau đó cụ N và cụ U kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và đã được UBND huyện V (nay là thị xã V) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 828764 ngày 05/9/2006.

Những người trực tiếp quản lý, sử dụng đất gồm có ông P cùng vợ là bà Châu Mỹ N cùng các con quản lý canh tác khoảng 03 công tầm cấy, tức gần 4.000m^2, ông H cùng các con tên Lý Văn Lộc và Lý Văn P quản lý canh tác khoảng 02 công tầm cấy và gia đình bà N sử dụng 2 công tầm cấy. Phần còn lại hiện nay là đất trống không ai quản lý, sử dụng. Trên đất có 01 nền nhà do bà Vân mới đổ nền, chưa có cất nhà). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Đ đang cất giữ.

Các bị đơn bà Lý Bửu N, ông Lý Văn P và ông Lý Văn H đồng ý chia di sản thừa kế của cụ N để lại là ½ diện tích đất bằng 9.971,1m^2 theo đo đạc thực tế là 9.865,7m^2, thuộc thửa số 174, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại khóm 6, Phường Y, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng cho 10 người thừa kế của cụ N gồm cụ bà Lâm Thị U và các ông bà Lý Bửu N, Lý Văn P, Lý Tuyết T, Lý Văn H1, Lý Văn H, Lý Tú N, Lý Văn S, Lý Cẩm V và Lý Văn Đ được hưởng thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng đất thì ông,

bà cũng đồng ý chia thừa kế. Tuy nhiên, ông, bà yêu cầu Tòa án xem xét công sức cho các bị đơn do có công sức quản lý, gìn giữ di sản.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Lâm Thị U ủy quyền do ông Lý Văn Đ làm đại diện trình bày: Phần đất tranh chấp diện tích 9.971,1m^2 nằm trong phần đất có tổng diện tích 19.942,2m^2, thuộc thửa số 174, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại khóm 6, Phường Y, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng là tài sản chung của vợ chồng cụ U và cụ N tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Cụ U đồng ý chia di sản của cụ N để lại là 9.971,1m^2 đất. Diện tích đất 9.971,1m^2 còn lại là tài sản riêng của cụ U.

Do cụ U đang sống chung nhà với ông Đ và do ông Đ là người trực tiếp phụng dưỡng cụ U lúc tuổi già nên cụ U đồng ý nhường kỷ phần thừa kế của cụ U được nhận cho ông Đ.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Tuyết T (do ông Huỳnh Từng là người đại diện hợp pháp), ông Lý Văn S và bà Lý Cẩm V trình bày: Về nguồn gốc di sản thừa kế, người quản lý, sử dụng di sản thừa kế theo lời trình bày của ông Đ là đúng. Đồng ý chia di sản của cụ N để lại theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đ. Đối với ý kiến của bà Bửu Ngọc, ông P và ông H về việc xin được cùng hưởng thêm 01 kỷ phần do có công sức đóng góp trong việc quản lý, gìn giữ di sản thừa kế của cụ N để lại thì các đương sự không đồng ý.

- Theo tờ tường trình đề ngày 11/11/2019, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn H1 (Van Hao Ly) và bà Lý Tú N (Ngoc Tu Ly) (do ông Lý Văn Đ là người đại diện hợp pháp) trình bày: Ông Hào và bà Tú Ngọc đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Đ về việc yêu cầu chia dia sản của cụ N để lại. Đồng ý giao ông Đ được nhận hiện vật và ông Đ có trách nhiệm hoàn trả lại giá trị quyền sử dụng đất cho ông Hào và bà N.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Châu Mỹ N trình bày: Bà Mỹ N là vợ của ông P. Bà đồng ý theo yêu cầu của ông P và xin nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật tại vị trí đất do vợ chồng bà đang quản lý sử dụng tính từ lộ xi măng trở qua theo thứ tự các anh chị em từ lớn đến nhỏ. Ngoài ra, bà không có ý kiến gì khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 22/2020/DS-ST Ngày 20/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và điểm a khoản 1 Điều 470 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 57, khoản 1 Điều 58 và khoản 1 Điều 59, Điều 609, 612, Điều 613, khoản 1 Điều 623, Điều 649, Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651 và điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 167, điểm đ khoản 1 Điều 179, Điều 188 Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15, điểm b khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm c khoản 3 Điều 6 Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 18/01/2018) của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lý Văn Đ về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông Lý N chết để lại là phần đất diện tích 9.971,1m^2 theo đo đạc thực tế là 9.865,7m^2 loại đất trồng cây hàng năm thuộc một phần thửa số 174, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại khóm 6, Phường Y, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 828764 (81913011080) ngày 05/9/2006 do Ủy ban nhân dân huyện V (nay là thị xã V) cấp cho ông Lý N và bà Lâm Thị U đứng tên.

1.1. Công nhận phần đất nêu trên với tổng giá trị 721.980.000đồng là di sản thừa kế của ông Lý N chết để lại. Phần đất có số đo, tứ cận:

- Hướng Đông giáp đất ông Trần Văn Nám số đo 52,23m + 40,68m;

- Hướng Tây giáp lộ đal số đo 14,9m + 6,29m + 70,03m;

- Hướng Nam giáp đất ông Huỳnh Văn Ní số đo 103,74m;

- Hướng Bắc giáp đất bà Lâm Thị U (tại thửa số 174) số đo 112,65m.

1.2. Chia di sản thừa kế của ông Lý N chết để lại là phần đất nêu trên thành 10 kỷ phần có giá trị tương ứng mỗi kỷ phần là 72.198.000đồng cho 10 đồng thừa kế của ông Lý N gồm các ông bà Lâm Thị U, Lý Bửu N, Lý Văn P, Lý Tuyết T, Lý Văn H1 (Van Hao Ly), Lý Văn H, Lý Tú N (Ngoc Tu Ly), Lý Văn S, Lý Cẩm V và Lý Văn Đ được hưởng, cụ thể như sau:

1.2.1. Ông Lý Văn Đ được hưởng 01 kỷ phần là phần đất được đánh số thứ tự 01 (diện tích 945,4m2) có số đo, tứ cận:

- Hướng Đông giáp ông Trần Văn Nám số đo 7,73m + 1,56m;

- Hướng Tây giáp lộ đal số đo 1,56m + 7,56m;

- Hướng Nam giáp đất ông Huỳnh Văn Ní số đo 103,74m;

- Hướng Bắc giáp phần đất được đánh số thứ tự 02 số đo 103,9m;

1.2.2. Bà Lý Tú N (Ngoc Tu Ly) được hưởng 01 kỷ phần là phần đất được đánh số thứ tự 02 (diện tích 956,4m2) có số đo, tứ cận:

- Hướng Đông giáp ông Trần Văn Nám số đo 9,29m;

- Hướng Tây giáp lộ đal số đo 9,12m;

- Hướng Nam giáp phần đất được đánh số thứ tự 01 số đo 103,9m;

- Hướng Bắc giáp phần đất được đánh số thứ tự 03 số đo 104,22m;

Kỷ phần của bà Lý Tú N (Ngoc Tu Ly) được giao cho ông Lý Văn Đ quản lý, sử dụng.

1.2.3. Bà Lý Cẩm V được hưởng 01 kỷ phần là phần đất được đánh số thứ tự 03 (diện tích 961,7m2) có số đo, tứ cận:

- Hướng Đông giáp ông Trần Văn Nám số đo 9,29m;

- Hướng Tây giáp lộ đal số đo 9,12m;

- Hướng Nam giáp phần đất được đánh số thứ tự 02 số đo 104,22m;

- Hướng Bắc giáp phần đất được đánh số thứ tự 04 số đo 105,03m;

1.2.4. Ông Lý Văn H1 (Van Hao Ly) được hưởng 01 kỷ phần là phần đất được đánh số thứ tự 04 (diện tích 970,1m2) có số đo, tứ cận:

- Hướng Đông giáp ông Trần Văn Nám số đo 9,29m;

- Hướng Tây giáp lộ đal số đo 9,12m;

- Hướng Nam giáp phần đất được đánh số thứ tự 03 số đo 105,03m;

- Hướng Bắc giáp phần đất được đánh số thứ tự 05 số đo 106,19m;

Kỷ phần của ông Lý Văn H1 (Van Hao Ly) được giao cho ông Lý Văn Đ quản lý, sử dụng.

1.2.5. Bà Lâm Thị U được hưởng 01 kỷ phần là phần đất được đánh số thứ tự 05 (diện tích 980,4m2) có số đo, tứ cận:

- Hướng Đông giáp ông Trần Văn Nám số đo 9,29m;

- Hướng Tây giáp lộ đal số đo 9,12m;

- Hướng Nam giáp phần đất được đánh số thứ tự 04 số đo 106,19m;

- Hướng Bắc giáp phần đất được đánh số thứ tự 06 số đo 107,23m;

Kỷ phần của bà Lâm Thị U do ông Lý Văn Đ là người giám hộ do Tòa án chỉ định quản lý, sử dụng. Trong quá trình quản lý, sử dụng kỷ phần của bà Lâm Thị U thì ông Lý Văn Đ có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 57, khoản 1 Điều 58 và khoản 1 Điều 59 Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.2.6. Bà Lý Tuyết T được hưởng 01 kỷ phần là phần đất được đánh số thứ tự 06 (diện tích 990,5m2) có số đo, tứ cận:

- Hướng Đông giáp ông Trần Văn Nám số đo 9,29m;

- Hướng Tây giáp lộ đal số đo 9,12m;

- Hướng Nam giáp phần đất được đánh số thứ tự 05 số đo 107,23m;

- Hướng Bắc giáp phần đất được đánh số thứ tự 07 số đo 108,33m;

1.2.7. Ông Lý Văn S được hưởng 01 kỷ phần là phần đất được đánh số thứ tự 07 (diện tích 1.000,3m2) có số đo, tứ cận:

- Hướng Đông giáp ông Trần Văn Nám số đo 9,29m;

- Hướng Tây giáp lộ đal số đo 9,12m;

- Hướng Nam giáp phần đất được đánh số thứ tự 06 số đo 108,33m;

- Hướng Bắc giáp phần đất được đánh số thứ tự 08 số đo 109,42m;

1.2.8. Bà Lý Bửu N được hưởng 01 kỷ phần là phần đất được đánh số thứ tự 08 (diện tích 1.010,2m2) có số đo, tứ cận:

- Hướng Đông giáp ông Trần Văn Nám số đo 9,29m;

- Hướng Tây giáp lộ đal số đo 9,12m;

- Hướng Nam giáp phần đất được đánh số thứ tự 07 số đo 109,42m;

- Hướng Bắc giáp phần đất được đánh số thứ tự 09 số đo 110,49m;

1.2.9. Ông Lý Văn P được hưởng 01 kỷ phần là phần đất được đánh số thứ tự 09 (diện tích 1.020,1m2) có số đo, tứ cận:

- Hướng Đông giáp ông Trần Văn Nám số đo 9,29m;

- Hướng Tây giáp lộ đal số đo 9,12m;

- Hướng Nam giáp phần đất được đánh số thứ tự 08 số đo 110,49m;

- Hướng Bắc giáp phần đất được đánh số thứ tự 10 số đo 111,57m;

1.2.10. Ông Lý Văn H được hưởng 01 kỷ phần là phần đất được đánh số thứ tự 10 (diện tích 1.029,9m2) có số đo, tứ cận:

- Hướng Đông giáp ông Trần Văn Nám số đo 9,30m;

- Hướng Tây giáp lộ đal số đo 9,12m;

- Hướng Nam giáp phần đất được đánh số thứ tự 09 số đo 111,57m;

- Hướng Bắc giáp bà Lâm Thị U số đo 112,65m;

1.2.11. Ông Lý Văn Đ có nghĩa vụ hoàn trả lại giá trị kỷ phần cho ông Lý Văn H1 (Van Hao Ly) và bà Lý Tú N (Ngoc Tu Ly) mỗi người tương ứng với số tiền là 72.198.000đồng (Bảy mươi hai triệu một trăm chín mươi tám nghìn đồng).

1.2.12. Ông Lý Văn P và bà Châu Mỹ N cùng các con là bà Lý Tuyết L, ông Lý văn U, ông Lý Kết T, ông Lý Thành L cùng có nghĩa vụ giao trả cho bà Lâm Thị U và ông Lý Văn Đ phần đất được đánh số thứ tự 05 (980,4m2); giao trả cho bà Lý Tuyết T phần đất được đánh số thứ tự 06 (990,5m2); giao trả cho ông Lý Văn S phần đất được đánh số thứ tự 07 (1.000,3m2); giao trả cho bà Lý Bửu N phần đất được đánh số thứ tự 08 (1.010,2m2); giao trả cho ông Lý Văn H phần đất được đánh số thứ tự 10 (1.029,9m2) nêu trên.

Ông Lý Văn H cùng các con là bà Lý Thu N, ông Lý Phước T (Lý Văn P), ông Lý Phước L (Lý Văn Lộc) cùng có nghĩa vụ giao trả cho bà Lâm Thị U và ông Lý Văn Đ phần đất được đánh số thứ tự 05 (980,4m2); giao trả cho bà Lý Tuyết T phần đất được đánh số thứ tự 06 (990,5m2); giao trả cho ông Lý Văn S phần đất được đánh số thứ tự 07 (1.000,3m2); giao trả cho bà Lý Bửu N phần đất được đánh số thứ tự 08 (1.010,2m2); giao trả cho ông Lý Văn P phần đất được đánh số thứ tự 09 (1.020,1m2) nêu trên.

(Kèm theo sơ đồ hiện trạng thửa đất)

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên xử về chi phí định giá, đo đạc; về chi phí ủy thác tư pháp; về án phí dân sơ thẩm; về lãi suất chậm thi hành án; về quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

- Ngày 31/7/2020 bị đơn bà Lý Bửu N, ông Lý Văn P kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Thửa đất 174 diện tích 19.942,2m^2 được UBND huyện V cấp cho hộ gia đình, là tài sản chung của các thành viên trong hộ. Bản án sơ thẩm xác định diện tích 9.865,7m^2 là di sản của cụ N là không đúng vì từ trước khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 9.865,7m^2 đã được chia cho bà N, ông P, ông H sử dụng mỗi người canh tác một phần có phân ranh, bờ thửa, đã đầu tư

giếng nước trên đất để đảm bảo canh tác và đã sử dụng ổn định trên 30 năm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lý Văn Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Bị đơn Lý Bửu N, Lý Văn P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì thửa đất số 174 tờ bản đồ số 06 diện tích 19.942,2m^2 đất tọa lạc tại khóm 6 Phường Y, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng do Ủy ban nhân dân thị xã V cấp cho hộ gia đình đây là tài sản chung của các thành viên trong hộ gia đình. Trước khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phần đất do gia đình bà N, ông P và ông H sử dụng có tổng diện tích 9.865m^2. Mỗi người sử dụng có phân ranh bờ thửa, có đầu tư giếng nước để đảm bảo canh tác.

- Nguyên đơn ông Lý Văn Đ không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Đơn kháng cáo của bị đơn ông Ngọc, ông P hợp lệ đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Các đương sự trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên đề nghị xét xử phúc thẩm vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế cho các đương sự là có căn cứ. Vì vậy đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự bác đơn kháng cáo của bà N, ông P. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn bà Lý Bửu N, ông Lý Văn P làm trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Bị đơn ông Lý Văn H và những người có quyền lợi liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lý Bửu N, ông Lý Văn P. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Căn cứ vào lời khai của các đương sự thừa nhận diện tích đất 19.942,2m^2 loại đất trồng cây hàng năm thuộc thửa số 174, tờ bản đồ số 06, tại khóm 6, Phường Y, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, đã được UBND huyện V (nay là thị xã V) tỉnh Sóc Trăng có nguồn gốc của vợ chồng cụ Lý N và cụ Lâm Thị U khai phá và sử dụng trước năm 1975. Đến ngày 05/9/2006 cụ Lý N và cụ Lâm Thị U được UBND huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo số phát hành AĐ 828764.

Nguyên đơn ông Đ cho rằng thửa đất 174 là tài sản chung của cụ N và cụ U. Năm 2013 cụ N chết không có để lại di chúc, do đó ½ diện tích đất của thửa số 174 diện tích 9.865,7m^2 là di sản của cụ N nên ông Đ khởi kiện yêu cầu chia di sản theo pháp luật. Phần ½ diện tích đất còn lại của cụ U, do ông Đ là người giám hộ nên cụ U giao cho ông Đ sử dụng để nuôi dưỡng cụ U. Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/10/2019 (Bút lục số 27) ông Đ khai trên thực tế diện tích đất tại thửa 174 do các con của cụ N quản lý sử dụng từ trước đến nay, trong đó ông Đ sử dụng khoảng 9.000m^2 đất; ông P khoảng 3.000m^2 đất, ông H sử dụng khoảng 3.000m^2 đất, phần đất trống khoảng 4.000m^2 đất. Ngoài ra trên đất có 01 nền nhà do bà Vân xây dựng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông P, bà N khai thời điểm sau năm 1975 các đương sự đều ở chung nhà với cụ N, cụ U và chung hộ khẩu gia đình với cụ N, cụ U. Đối với thửa đất 174 được chia cho các con mỗi người sử dụng một phần. Trong đó ông P, ông H bà N khai trên đất các đương sự có xây dựng giếng nước để phục vụ cho việc canh tác. Ông Đ cho rằng trên đất ông P, bà N có xây dựng có giếng nước nhưng hiện nay giếng nước không còn sử dụng được.

Ngoài ra, ông P còn khai rằng gia đình ông P sử dụng khoảng 03 công ruộng tầm cấy đất từ năm 1975. Sau đó toàn bộ thửa đất 174 được đưa vào tập đoàn sản xuất nhưng gia đình ông P vẫn sử dụng đất. Sau khi rã tập đoàn khoảng năm 1980 thì gia đình ông vẫn tiếp tục sử dụng đất 03 công đất này. Khi kê khai đăng ký cấp quyền sử dụng đất, do cụ N lớn tuổi nên ông P đi kê khai đăng ký cấp quyền sử dụng đất và ghi tên người kê khai đăng ký quyền sử dụng đất là cụ Lý N.

Như vậy có căn cứ xác định mặc dù cụ N kê khai đăng ký cấp quyền sử dụng đất thửa đất 174, loại đất trồng cây hàng năm nhưng trên thực tế vợ chồng cụ N, cụ U không sử dụng đất mà chia cho các con của cụ N và cụ U canh tác đất trong đó có bà N, ông P và ông H.

Do đó, nếu chỉ căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cụ N và cụ U đứng tên để xác định di sản của cụ N là ½ diện tích đất thuộc thửa 174 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia thừa kế theo pháp luật đối với ½ diện tích đất tại thửa 174 là chưa đủ cơ sở vững chắc. Nên cần thu thập chứng cứ làm rõ thửa đất 174 có được đưa vào tập đoàn sản xuất hay không? Quá trình sử dụng đất trước khi vô tập đoàn sản xuất có giao cho người khác sử dụng không? Sau khi rã tập đoàn sản xuất thì ai là người sử dụng đất cho đến khi phát sinh tranh chấp. Ý kiến của cơ quan nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ N, cụ U là cấp cho cho hộ gia đình hay cá nhân? Thành viên hộ gia đình của cụ N tại thời điểm kê khai đăng ký cấp quyền sử dụng đất gồm có những ai và ai là người trực tiếp quản lý sử dụng đất. Từ đó mới đủ căn cứ giải quyết vụ án được chính xác và đúng quy định của pháp luật.

Do phát sinh tình tiết mới tại cấp phúc thẩm do đương sự khai nhận cần phải thu thập chứng cứ làm rõ, mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được.

Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất hủy bản án dân sự sơ thẩm để chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm, nên Bà N, ông P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 22/2018/DS-ST Ngày 20/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

3.Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lý Bửu N, ông Lý Văn P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án, PQH.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thúy Hồng